**Số: 6065459**

| | FRONTIER K250 - Thùng kín - Inox 430 | Linker S T10-6.3 - Mui bạt - Inox 430 |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **509.200.000đ** | **652.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC:** | | |
| Kích thước tổng thể(DxRxC) | 5.620 x 1.840 x 2.555 mm | |
| Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC) | 3500 x 1670 x 1655 mm (9,67 $m^3$) | |
| Chiều dài cơ sở | 2.810 mm | |
| Vết bánh xe trước/sau | 1.470 / 1.270 mm | |
| **KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Khối lượng bản thân | 2.305 kg | |
| Khối lượng chở cho phép | 2.490 kg | |
| Khối lượng toàn bộ | 4.990 kg | |
| Khối lượng kéo theo | - | |
| Số chỗ ngồi | 3 | |
| **ĐỘNG CƠ:** | | |
| Tên động cơ | HYUNDAI – D4CB | |
| Loại động cơ | Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng, tăng áp,phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU) | |
| Dung tích xi lanh | 2.497 cc | |
| Công suất cực đại/ tốc độ quay | 130 / 3.800 Ps/(vòng/phút) | |
| Mô men xoắn/ tốc độ quay | 255 / 1.500~3.500 N.m/(vòng/phút) | |
| **TRUYỀN ĐỘNG:** | | |
| Ly hợp | 01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không | |
| Hộp số | HYUNDAI DYMOS M6AR1 (06 số tiến, 01 số lùi) | |
| Tỷ số truyền | ih1=4,271; ih2=2,248; ih3=1,364; ih4=1,000; ih5= 0,823; ih6= 0,676; iR=3,814 | |
| **HỆ THỐNG PHANH:** | | |
| Hệ thống phanh | Thủy lực, Trước đĩa/Sau tang trống, trợ lực chân không | |
| **HỆ THỐNG TREO:** | | |
| Trước | Độc lập, thanh xoắn, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực | |
| Sau | Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực | |
| **LỐP XE:** | | |
| Trước/Sau | 6.50R16/5.50R13 | |
| **ĐẶC TÍNH:** | | |
| Khả năng leo dốc | 28% | |
| Bán kính quay vòng nhỏ nhất | 5,96 m | |
| Tốc độ tối đa | 109 km/h | |
| Dung tích thùng nhiên liệu | 65 lít | |
| **HỆ THỐNG LÁI:** | | |
| Hệ thống lái | Thanh răng – bánh răng, trợ lực thủy lực | |